

TRUNG TÂM NCƯD CÔNG NGHỆ MỚI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 30-6/QĐ-CHCT

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

v/v thành lập Ban chỉ huy công trình

- Căn cứ quyết định số: 206/QĐ-TCCB ngày 25 tháng 9 năm 1995 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ, trực thuộc trường Đại học Mỏ - Địa chất.

- Căn cứ theo Hợp đồng kinh tế số: 3006/2022/HĐ ký ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ với Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ về việc Xây dựng CSDL bản đồ theo chuyên đề.

- Căn cứ vào yêu cầu của công việc

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 1: Giao nhiệm vụ cho các Ông (Bà) có tên sau đây theo dõi chỉ đạo, giám sát, thi công, nghiệm thu, ký các văn bản kỹ thuật tại hiện trường công trình thi công gói thầu số: 3006/2022/HĐ ký ngày 30/6/2022.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại
1	Lê Đức Tình	Chủ trì công trình	0912296180
2	Nguyễn Thị Dung	Tổ trưởng	0368878568
3	Trần Anh Dũng	Tổ trưởng	0902131020
4	Tạ Thị Thu Hương	Tổ trưởng	0985311725

ĐIỀU 2: Các Ông có tên trong danh sách trên và các phòng Ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi gửi:

- Như điều 2
- Lưu Trung tâm

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ MỚI TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ**



Trần Khánh

CT48

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Về việc xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ theo chuyên đề
Số: 3006/2022/HĐ

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số: 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng thực hiện của các Bên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 6 năm 2022, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH MTV TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ

Đại diện: **Phạm Ngọc Sơn**

Chức vụ: Phó Giám đốc (Quyết định số 1738/QĐ-Cty ngày 30/12/2021 của Giám đốc Công ty về việc ủy quyền ký kết các hợp đồng kinh tế)

Địa chỉ: Số 2/198 đường Trần Cung, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.755.8092

Tài khoản: 05.111.000.28004 mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ - Hà Nội.

Mã số thuế 0100107211

BÊN B: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ

Đại diện: **Lê Đức Tình**

Chức vụ: Phó Giám đốc

Địa chỉ: Nhà A, Trường Đại học Mỏ - Địa Chất, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.752.3819



Tài khoản: 3100211000206 tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh
Từ Liêm, Hà Nội.

Mã số thuế 0100811629

Hai Bên thống nhất thỏa thuận ký Hợp đồng kinh tế với nội dung sau:

Điều 1. Nội dung công việc

Bên A giao Bên B tổ chức thực hiện chiết tách, chuẩn hóa CSDL tỷ lệ 1:25.000, tỷ lệ 1/250.000; xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên đề với khối lượng cụ thể như sau:

- Chiết tách, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu
- + Chiết tách, chuẩn hóa CSDL nền địa lý (lớp biên giới, địa giới và lớp dân cư) tỷ lệ 1:25.000: 629 mảnh.
- + Chiết tách, chuẩn hóa CSDL nền địa lý (lớp giao thông, thủy hệ, thực vật) tỷ lệ 1:250.000: 12 mảnh.
- Xây dựng CSDL địa lý chuyên đề:
- + Chuyển đổi dữ liệu định dạng (*.dgn) sang (*.gdb), chuẩn hóa dữ liệu ngoại nghiệp: 1389 khu vực.
- + Xây dựng CSDL địa lý chuyên đề: 1389 khu vực.
- + Gộp dữ liệu theo tỉnh: 12 tỉnh.

Điều 2. Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng sản phẩm

CSDL bản đồ thành lập trong Hệ tọa độ quốc gia VN-2000, Elipsoid WGS-84; lưới chiếu UTM, múi chiếu 6°, hệ số điều chỉnh biến dạng chiều dài tại kinh tuyến trung ương $k_0 = 0,9996$, kinh tuyến trung ương 105° đối với múi 48, 111° đối với múi 49; Hệ độ cao quốc gia Việt Nam (Hòn Dấu - Hải Phòng). Trường hợp tỉnh nằm trên hai múi chiếu thì CSDL bản đồ thống nhất quy về múi mà tỉnh đó có diện tích chiếm lớn hơn.

Chiết tách, chuẩn hóa CSDL nền địa lý; Chuyển đổi dữ liệu định dạng (*.dgn) sang (*.gdb), chuẩn hóa dữ liệu ngoại nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn quy chuẩn QCVN 42: 2020/BTNMT.

Điều 3. Thời gian, tiến độ thực hiện

Hoàn thành bàn giao sản phẩm trước ngày 20/12/2022.

Điều 4. Giá trị Hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá trị Hợp đồng

Điều 7. Hiệu lực Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, hết giá trị sau khi hai Bên nghiệm thu và thanh lý Hợp đồng.

Hợp đồng này được làm thành 05 (năm) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 (ba) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Ngọc Sơn

**ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Đức Tình



Phụ lục
DỰ TOÁN KINH PHÍ

Kèm theo Hợp đồng số: 3006/2022/HĐ ngày 30/6/2022

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Mức KK	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
1	Chiết tách, chuẩn hóa dữ liệu nền địa lý					1.028.041.124
1.1	Chiết tách, chuẩn hóa dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:25.000	mảnh		629		956.072.153
			1		1.139.037	-
			2	39	1.295.278	50.515.856
			3	590	1.534.841	905.556.297
1.2	Chiết tách, chuẩn hóa dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:250.000	mảnh		12	-	71.968.971
			1		4.376.161	-
			2		5.016.130	-
			3	12	5.997.414	71.968.971
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý chuyên đề				-	1.678.450.587
2.1	Chuẩn hóa dữ liệu ngoại nghiệp	khu vực		1.389	-	188.447.297
			1		100.604	-
			2	38	114.680	4.357.826
			3	1.351	136.262	184.089.471
2.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý chuyên đề	khu vực		1.389	-	1.406.281.130
			1	-	758.905	-
			2	38	860.669	32.705.429
			3	1.351	1.016.710	1.373.575.701
2.3	Gộp dữ liệu theo tỉnh	tỉnh		12	-	83.722.160
			1		5.173.752	-
			2		5.885.501	-
			3	12	6.976.847	83.722.160
	Giá trị trước thuế					2.706.491.711
	Thuế VAT 8%					216.519.337
	Giá trị sau thuế					2.923.011.048

Bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm hai mươi ba triệu, không trăm mười một ngàn, không trăm bốn mươi tám đồng./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT TOÁN KINH PHÍ

Về việc xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ theo chuyên đề

Biên bản thanh lý: 2012/TLHĐ

I. Căn cứ lập quyết toán

Căn cứ vào Biên bản Thanh lý Hợp đồng số 2012/TLHĐ ký ngày 20/12/2022 giữa Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ (Bên A) và Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ (Bên B) về việc “Xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ theo chuyên đề”;

Căn cứ khối lượng công việc thực tế hoàn thành; Biên bản KTNT khối lượng, chất lượng sản phẩm và bàn giao sản phẩm về việc “Xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ theo chuyên đề”.

II. Giá trị quyết toán: 2.550.040.191 đồng.

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Mức KK	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
1	Chiết tách, chuẩn hóa dữ liệu nền địa lý					975.410.119
1.1	Chiết tách, chuẩn hóa dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:25.000	mảnh		700		932.483.510
			1	160	1.139.037	182.245.876
			2	328	1.295.278	424.851.303
			3	212	1.534.841	325.386.331
1.2	Chiết tách, chuẩn hóa dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:250.000	mảnh		9	-	42.926.609
			1	5	4.376.161	21.880.804
			2	3	5.016.130	15.048.391
			3	1	5.997.414	5.997.414
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý chuyên đề				-	1.385.738.206
2.1	Chuẩn hóa dữ liệu ngoại nghiệp	khu vực		1.308	-	155.970.430
			1	387	100.604	38.933.607
			2	392	114.680	44.954.417
			3	529	136.262	72.082.406
2.2	Xây dựng CSDL địa lý chuyên đề	khu vực		1.308	-	1.168.918.160
			1	387	758.905	293.696.059
			2	392	860.669	337.382.319
			3	529	1.016.710	537.839.782
2.3	Gộp dữ liệu theo tỉnh	tỉnh		11	-	60.849.616
			1	7	5.173.752	36.216.266
			2	3	5.885.501	17.656.503
			3	1	6.976.847	6.976.847
	Giá trị trước thuế					2.361.148.325
	Thuế VAT 8%					188.891.866
	Giá trị sau thuế					2.550.040.191



Bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm năm mươi triệu, bốn mươi ngàn một trăm chín mươi một đồng chẵn.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Ngọc Sơn

**ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Đức Tình



Số: 1512/BBNT

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2022

BIÊN BẢN

KIỂM TRA NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Về việc: “xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ theo chuyên đề”

**BÊN A: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ**

- Ông: **Phạm Ngọc Sơn** Chức vụ: Phó Giám đốc
- Ông: **Nguyễn Ngọc Trai** Chức vụ: TP Kiểm tra Chất lượng Sản phẩm
- Ông: **Phạm Trọng Hải** Chức vụ: PTP Kế hoạch Tổng hợp

**BÊN B: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI
TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ**

- Ông: **Lê Đức Tình** Chức vụ: Phó Giám đốc
- Ông: **Phạm Trung Dũng** Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

I. Nội dung:

1. Kiểm tra, nghiệm thu:

Sản phẩm “Chiết tách, chuẩn hóa CSDL tỷ lệ 1:25.000, tỷ lệ 1/250.000 và Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên đề”.

2. Ý kiến kiểm tra:

Chiết tách, chuẩn hóa CSDL nền địa lý; Chuyển đổi dữ liệu định dạng (*.dgn) sang (*.gdb), chuẩn hóa dữ liệu ngoại nghiệp; Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên đề; gộp dữ liệu đáp ứng tiêu chuẩn quy chuẩn QCVN 42: 2020/BTNMT.

3. Khối lượng, Chất lượng thực hiện:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Mức KK	Khối lượng	Chất lượng
1	Chiết tách, chuẩn hóa dữ liệu nền địa lý				



STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Mức KK	Khối lượng	Chất lượng
1.1	Chiết tách, chuẩn hóa dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:25.000	mảnh		700	
			1	160	Đạt yêu cầu
			2	328	Đạt yêu cầu
			3	212	Đạt yêu cầu
1.2	Chiết tách, chuẩn hóa dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:250.000	mảnh		9	
			1	5	Đạt yêu cầu
			2	3	Đạt yêu cầu
			3	1	Đạt yêu cầu
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý chuyên đề				
2.1	Chuẩn hóa dữ liệu ngoại nghiệp	khu vực		1.308	
			1	387	Đạt yêu cầu
			2	392	Đạt yêu cầu
			3	529	Đạt yêu cầu
2.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý chuyên đề	khu vực		1.308	
			1	387	Đạt yêu cầu
			2	392	Đạt yêu cầu
			3	529	Đạt yêu cầu
2.3	Gộp dữ liệu theo tỉnh	tỉnh		11	
			1	7	Đạt yêu cầu
			2	3	Đạt yêu cầu
			3	1	Đạt yêu cầu

- Kết quả: Sản phẩm đảm bảo chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của Bên A.

11072
 ĐANG T
 HỀM HỮ
 ANH V
 ABAN
 EM-TP

II. Sản phẩm giao nộp:

- Phần dữ liệu Chiết tách, chuẩn hóa CSDL nền địa lý; Chuyển đổi dữ liệu định dạng (*.dgn) sang (*.gdb), chuẩn hóa dữ liệu ngoại nghiệp; Xây dựng CSDL chuyên đề trên bàn 15 tỉnh, thành phố;
- Dữ liệu được ghi trong ổ cứng di động (USB).

III. Kết luận: Sản phẩm giao nộp được kiểm tra nghiệm thu đạt chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của Bên A, đủ điều kiện thanh toán./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Ngọc Sơn

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHÓ GIÁM ĐỐC
TS. Lê Đức Tài



Số: 1512/BBNT

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2022

BIÊN BẢN

KIỂM TRA NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Về việc: “xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ theo chuyên đề”

**BÊN A: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ**

- Ông: **Phạm Ngọc Sơn** Chức vụ: Phó Giám đốc
- Ông: **Nguyễn Ngọc Trai** Chức vụ: TP Kiểm tra Chất lượng Sản phẩm
- Ông: **Phạm Trọng Hải** Chức vụ: PTP Kế hoạch Tổng hợp

**BÊN B: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI
TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ**

- Ông: **Lê Đức Tình** Chức vụ: Phó Giám đốc
- Ông: **Phạm Trung Dũng** Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

I. Nội dung:

1. Kiểm tra, nghiệm thu:

Sản phẩm “Chiết tách, chuẩn hóa CSDL tỷ lệ 1:25.000, tỷ lệ 1/250.000 và Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên đề”.

2. Ý kiến kiểm tra:

Chiết tách, chuẩn hóa CSDL nền địa lý; Chuyển đổi dữ liệu định dạng (*.dgn) sang (*.gdb), chuẩn hóa dữ liệu ngoại nghiệp; Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên đề; gộp dữ liệu đáp ứng tiêu chuẩn quy chuẩn QCVN 42: 2020/BTNMT.

3. Khối lượng, Chất lượng thực hiện:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Mức KK	Khối lượng	Chất lượng
1	Chiết tách, chuẩn hóa dữ liệu nền địa lý				



STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Mức KK	Khối lượng	Chất lượng
1.1	Chiết tách, chuẩn hóa dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:25.000	mảnh		700	
			1	160	Đạt yêu cầu
			2	328	Đạt yêu cầu
			3	212	Đạt yêu cầu
1.2	Chiết tách, chuẩn hóa dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:250.000	mảnh		9	
			1	5	Đạt yêu cầu
			2	3	Đạt yêu cầu
			3	1	Đạt yêu cầu
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý chuyên đề				
2.1	Chuẩn hóa dữ liệu ngoại nghiệp	khu vực		1.308	
			1	387	Đạt yêu cầu
			2	392	Đạt yêu cầu
			3	529	Đạt yêu cầu
2.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý chuyên đề	khu vực		1.308	
			1	387	Đạt yêu cầu
			2	392	Đạt yêu cầu
			3	529	Đạt yêu cầu
2.3	Gộp dữ liệu theo tỉnh	tỉnh		11	
			1	7	Đạt yêu cầu
			2	3	Đạt yêu cầu
			3	1	Đạt yêu cầu

- Kết quả: Sản phẩm đảm bảo chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của Bên A.



II. Sản phẩm giao nộp:

- Phần dữ liệu Chiết tách, chuẩn hóa CSDL nền địa lý; Chuyển đổi dữ liệu định dạng (*.dgn) sang (*.gdb), chuẩn hóa dữ liệu ngoại nghiệp; Xây dựng CSDL chuyên đề trên bàn 15 tỉnh, thành phố;
- Dữ liệu được ghi trong ổ cứng di động (USB).



III. Kết luận: Sản phẩm giao nộp được kiểm tra nghiệm thu đạt chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của Bên A, đủ điều kiện thanh toán./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHÓ GIÁM ĐỐC


Phạm Ngọc Sơn

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHÓ GIÁM ĐỐC
TS. Lê Đức Bình



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG
Về việc xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ theo chuyên đề
Số: 2012/TLHD

Căn cứ vào Hợp đồng số: 3006/2022/HĐ ký ngày 30/06/2022 giữa Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ (Bên A) và Trung tâm nghiên cứu Ứng dụng công nghệ mới Trắc địa Bản đồ (Bên B) về việc “Xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ theo chuyên đề”;

Căn cứ Biên bản kiểm tra nghiệm thu sản phẩm số 1512/BBNT, ngày 15/12/2022 về việc “Xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ theo chuyên đề”.

Hôm nay, ngày 20 tháng 12 năm 2022, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH MTV TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ

Đại diện: **Phạm Ngọc Sơn**

Chức vụ: Phó Giám đốc (Quyết định số 1738/QĐ-Cty ngày 30/12/2021 của Giám đốc Công ty về việc ủy quyền ký kết các hợp đồng kinh tế)

Địa chỉ: Số 2/198 đường Trần Cung, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.755.8092

Tài khoản: 05.111.000.28004 mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ - Hà Nội.

Mã số thuế 0100107211

BÊN B: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ

Đại diện: **Lê Đức Tình**

Chức vụ: Phó Giám đốc

Địa chỉ: Nhà A, Trường Đại học Mỏ - Địa Chất, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.752.3819

Tài khoản: 3100211000206 tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh Từ Liêm, Hà Nội.

Mã số thuế 0100811629

Hai Bên thống nhất thỏa thuận ký Thanh lý hợp đồng với nội dung sau:

Điều 1. Nội dung, khối lượng và chất lượng công việc đã thực hiện

1.1 Khối lượng công việc cụ thể như sau:



STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Mức KK	Khối lượng	Chất lượng
1	Chiết tách, chuẩn hóa dữ liệu nền địa lý				
1.1	Chiết tách, chuẩn hóa dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:25.000	mảnh		700	
			1	160	Đạt yêu cầu
			2	328	Đạt yêu cầu
			3	212	Đạt yêu cầu
1.2	Chiết tách, chuẩn hóa dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:250.000	mảnh		9	
			1	5	Đạt yêu cầu
			2	3	Đạt yêu cầu
			3	1	Đạt yêu cầu
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý chuyên đề				
2.1	Chuẩn hóa dữ liệu ngoại nghiệp	khu vực		1.308	
			1	387	Đạt yêu cầu
			2	392	Đạt yêu cầu
			3	529	Đạt yêu cầu
2.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý chuyên đề	khu vực		1.308	
			1	387	Đạt yêu cầu
			2	392	Đạt yêu cầu
			3	529	Đạt yêu cầu
2.3	Gộp dữ liệu theo tỉnh	tỉnh		11	
			1	7	Đạt yêu cầu
			2	3	Đạt yêu cầu
			3	1	Đạt yêu cầu

1.2 Chất lượng công việc

Cơ sở dữ liệu bản đồ theo chuyên đề được chuẩn hoá theo đúng yêu cầu của phương án. Các đối tượng được cập nhật, chuẩn hóa theo đúng quy định. Các trường thông tin được nhập đầy đủ, chính xác.

Kết luận: Sản phẩm đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của Hợp đồng. Sản phẩm bàn giao đủ số lượng và đảm bảo chất lượng theo yêu cầu.

Điều 2. Thời gian thực hiện, sản phẩm giao nộp

2.1. Thời gian thực hiện từ 30/06/2022, kết thúc 20/12/2022.

2.2. Sản phẩm giao nộp: Bên B đã bàn giao cho Bên A toàn bộ sản phẩm và các tài liệu liên quan.

Điều 3. Giá trị thanh lý hợp đồng

- Giá trị Hợp đồng ký (VAT 8%): **2.923.011.048 đồng.**

- Giá trị tạm ứng: **0 đồng.**

- Giá trị Quyết toán (VAT 8%): **2.550.040.191 đồng.**

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

- Giá trị còn phải thanh toán: **2.550.040.191 đồng.**

Bên A có trách nhiệm thanh toán hết số tiền trên cho Bên B ngay sau khi biên bản Thanh lý hợp đồng này ký kết.

Biên bản Thanh lý Hợp đồng này được làm thành 05 (năm) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 (ba) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Ngọc Sơn

ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Đức Tình



Phụ lục
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ
 (Kèm theo Thanh lý Hợp đồng số: 2012/TLHĐ)

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Mức KK	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
1	Chiết tách, chuẩn hóa dữ liệu nền địa lý					975.410.119
1.1	Chiết tách, chuẩn hóa dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:25.000	mảnh		700		932.483.510
			1	160	1.139.037	182.245.876
			2	328	1.295.278	424.851.303
			3	212	1.534.841	325.386.331
1.2	Chiết tách, chuẩn hóa dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:250.000	mảnh		9	-	42.926.609
			1	5	4.376.161	21.880.804
			2	3	5.016.130	15.048.391
			3	1	5.997.414	5.997.414
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý chuyên đề				-	1.385.738.206
2.1	Chuẩn hóa dữ liệu ngoại nghiệp	khu vực		1.308	-	155.970.430
			1	387	100.604	38.933.607
			2	392	114.680	44.954.417
			3	529	136.262	72.082.406
2.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý chuyên đề	khu vực		1.308	-	1.168.918.160
			1	387	758.905	293.696.059
			2	392	860.669	337.382.319
			3	529	1.016.710	537.839.782
2.3	Gộp dữ liệu theo tỉnh	tỉnh		11	-	60.849.616
			1	7	5.173.752	36.216.266
			2	3	5.885.501	17.656.503
			3	1	6.976.847	6.976.847
	Giá trị trước thuế					2.361.148.325
	Thuế VAT 8%					188.891.866
	Giá trị sau thuế					2.550.040.191

Bảng chữ: Hai tỷ, năm trăm năm mươi triệu, không trăm bốn mươi ngàn, một trăm chín mươi một đồng./.